

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng;
2. Ông Nguyễn Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Phi Phi – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 09-6-2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26-8-2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Đội 8, thôn B, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm H, sinh năm 1978; địa chỉ: Đội 8, thôn B, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị T trình bày:*

Bà và ông Phạm H tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q vào ngày 25-01-2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cách nay 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Phạm H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là cháu Phạm TH, sinh ngày 05-9-2007 và cháu Phạm TT, sinh ngày 17-6-2014. Hiện nay cháu H đang ở với ông bà ngoại tại G, cháu T đang sống với ông H. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu H vì bà sẽ lên G sống cùng cha mẹ đẻ, giao cháu T cho ông H nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Ông Phạm H đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tổng đạt văn bản tố tụng, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gọi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông H. Giao cháu Phạm TH, sinh ngày 05-9-2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm TT, sinh ngày 17-6-2014 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Phạm H vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị T và ông Phạm H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q vào ngày 25-01-2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Bà T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các tình tiết, sự kiện mà bà T đưa ra, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận toàn bộ trình bày, chứng cứ của bà T về tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.3] Bà T và ông H có 02 con chung là cháu Phạm TH, sinh ngày 05-9-2007 và cháu Phạm TT, sinh ngày 17-6-2014. Xét thấy tuy cháu H có nguyện vọng muốn ở với ba, nhưng hiện nay cháu đang sống với ông bà ngoại và đi học tại G, bà T trình bày sau khi Tòa án giải quyết ly hôn thì bà lên G làm ăn, sinh sống để nuôi con; cháu T hiện đang sống với ông H. Để không làm xáo trộn việc học tập, sinh hoạt của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 91, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Bà Trần Thị T được ly hôn ông Phạm H.
2. Giao cháu Phạm TH sinh ngày 05-9-2007 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phạm TT, sinh ngày 17-6-2014 cho ông Phạm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.
Bà Trần Thị T và ông Phạm H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004469 ngày 02-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh